TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2025/LĐ-ST Ngày: 20-02-2025 V/v tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Ông Đỗ Văn Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLST-LĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh N sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 12 năm 2024); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên M; địa chỉ: Số 01 L, phường M, quận H, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Văn Đ; địa chỉ: Số 01 L, phường M, quận H, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền số 01/UQ-MTĐT ngày 02 tháng 01 năm 2025); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Thanh M; Địa chỉ: Số 13/205 T, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bảo hiểm Xã hội thành phố H; địa chỉ: Số 02 đường H, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có văn bản số 121/BHXH-TTKT ngày 17/01/2025 xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị M và người đại diện cho bà M trình bày:

Do bà Nguyễn Thị M có nhu cầu xin việc làm nhưng không đủ điều kiện về hồ sơ pháp lý nên bà đã mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Thanh M (là người quan hệ quen biết) và nộp hồ sơ xin việc tại Công ty Môi trường Đô thị H (nay là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên M). Ngày 01/01/1998, bà Nguyễn Thị M và Công ty Môi trường Đô thị H đã ký hợp đồng lao động với thông tin tên và căn cước của bà Nguyễn Thị Thanh M. Hiện tại bà Nguyễn Thị M vẫn đang thực hiện theo hợp đồng lao động và được đóng bảo hiểm xã hội liên tục từ tháng 1/1998 đến nay. Hiện tại, bà M làm đơn đề nghị Công ty Môi trường Đô thị Hải Phòng điều chỉnh thông tin cá nhân với cơ quan Bảo hiểm xã hội nhưng không thể thực hiện được. Bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết: Tuyên Hợp đồng lao động kí ngày 01/01/1998 giữa bà Nguyễn Thị Thanh M với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên M vô hiệu; không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Thanh M trình bày: Do hiểu biết và nhận thức pháp luật hạn chế nên năm 1998 bà đã cho bà Nguyễn Thị M mượn hồ sơ tư pháp của bà để bà M đi xin việc làm tại Công ty Môi trường Đô thị H (nay là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên M). Người trực tiếp quan hệ lao động với Công ty là bà Nguyễn Thị M. Nay được biết bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng lao động kí ngày 01/01/1998 giữa bà Nguyễn Thị Thanh M với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên M vô hiệu bà cũng đồng ý; không có ý kiến gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Đồng ý với quan điểm và trình bày của bà Nguyễn Thị M. Đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng lao động kí ngày 01/01/1998 giữa bà Nguyễn Thị Thanh M với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên M vô hiệu; không có ý kiến, thay đổi gì.

Bảo hiểm Xã hội thành phố H có đơn xin vắng mặt, không trình bày quan điểm gì về vụ án.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Bà Nguyễn Thị M đã sử dụng hồ sơ pháp lý của bà Nguyễn Thị Thanh M để giao kết hợp đồng lao động ngày 01/01/1998 với Công ty Môi trường Đô thị H (nay là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên M) với vị trí việc làm là công nhân quét rác; bà Nguyễn Thị M là người trực tiếp lao động chứ không phải bà Nguyễn Thị Thanh M. Công ty

Môi trường Đô thị H thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị M dưới danh nghĩa bà Nguyễn Thị Thanh M kể từ khi kí hợp đồng lao động cho đến nay.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994; khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Tuyên bố hợp đồng lao động kí ngày 01/01/1998 giữa bà Nguyễn Thị M với Công ty Môi trường Đô thị H (nay là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên M) là vô hiệu; bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn là cơ quan, tổ chức có địa chỉ trụ sở tại quận An Dương. Do vậy Tòa án nhân dân quận An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Do đây là quan hệ tranh chấp về lao động nên theo quy định tại khoản 5 Điều 32 của BLTTDS và điểm d khoản 1 Điều 188 của Bộ luật Lao động vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 của BLTTDS Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hợp đồng lao động và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Các bên thừa nhận có quan hệ với nhau bởi Hợp đồng lao động nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ vào Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật.

[3.2] Sự kiện pháp lý liên quan và làm phát sinh tranh chấp là Hợp đồng lao động kí ngày 01/01/1998 giữa bà Nguyễn Thị M và Công ty Môi trường Đô thị H. Hợp đồng này, người lao động đã cố ý sử dụng thông tin của người khác để thương lượng khi giao kết hợp đồng là chưa phù hợp với quy định tại Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994 là luật có hiệu lực tại thời điểm giao kết; vi phạm nguyên tắc trung thực ngay khi giao kết được quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật lao động năm 2019; Điều 410 của Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 123, 127 và 407 của Bộ luật dân sự nên bị vô hiệu toàn bộ; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Ngoài mục đích kí hợp đồng để được làm việc thì không có căn cứ chứng minh được người lao động sử dụng vào mục đích vi phạm pháp luật nào khác.

[3.3] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Không bên nào yêu cầu nên không xét.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu không được Tòa án chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 410 của Bộ luật dân sự năm 2005, các điều 123, 127 và 407 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994; khoản 1 Điều 17 và khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019; khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Tuyên bố hợp đồng lao động kí ngày 01/01/1998 giữa bà Nguyễn Thị M với Công ty Môi trường Đô thị H (nay là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên M) là vô hiệu.

2. Về án phí: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên M phải chịu 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận An Dương;
- Chi cục THADS quận An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng